

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS - ST

Ngày: 27/11/2017

V/v: *Kiện chia tài sản chung
sau ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2017 về việc “*Kiện chia tài sản sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX - ST ngày 25/8/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2007/QDDS-ST ngày 28/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-DS ngày 26/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST - DS ngày 10/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979.

Trú tại: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1991.

Trú tại: Thôn 6, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2017 (Bút lục “BL” 01) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án (BL: 14, 21, 22) nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình

bày: Năm 2010 anh và chị Nguyễn Thị S kết hôn với nhau đến ngày 04/4/2017 đã được Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 37/2017/QĐST - HNGĐ, tại quyết định anh chị thỏa thuận tài sản chung tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn anh chị không tự phân chia được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói trị giá 65.000.000đ gắn liền thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 227m² tại thôn 6, xã X, huyện B đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BG 258736 ngày 26/8/2011 mang tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị S, có trị giá khoảng 235.000.000đ. Tổng trị giá tài sản chung: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Anh H yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai (BL:19) và tại biên bản hòa giải ngày 21/7/2017 (BL: 21, 22) chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị thống nhất về số tài sản chung như anh Nguyễn Văn H đã trình bày, nhưng chị xác định ngôi nhà xây cấp 4 có trị giá khoảng 70.000.000đ, thửa đất có trị giá khoảng 150.000.000đ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao toàn bộ số tài sản trên cho con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 24/3/2011.

Tại phiên hòa giải ngày 21/7/2017, Tòa án tiến hành phân tích hòa giải anh H và chị S đã thống nhất tài sản chung trong thời kỳ kết hôn gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 có trị giá 60.000.000 đồng và 01 thửa đất diện tích 227m² tại thôn 6, xã X, huyện B đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trị giá 190.000.000 đồng, tổng cộng: 250.000.000 đồng. Nhưng anh chị không thỏa thuận được cách phân chia tài sản: Anh H yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật, nếu anh H được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà thì anh H sẽ giao ½ giá trị tài sản cho chị S, nếu chị S được quyền sử dụng và quyền sở hữu tài sản thì chị S giao tiền chênh lệch tài sản cho anh H; chị S yêu cầu giao toàn bộ số tài sản chung cho con Nguyễn Hoàng T còn nếu phân chia theo quy định của pháp luật thì anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi con Nguyễn Hoàng T tròn 18 tuổi và cấp dưỡng một lần.

Ngày 11/9/2017, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án anh H có mặt, chị S vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Ngày 28/9/2017 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, chị S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định của pháp luật Tòa án tiến hành phiên tòa, tại phiên tòa anh H thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia số tài sản chung và được quyền sử dụng ½ diện tích đất. Do tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có yêu cầu mới nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định xem xét tại chỗ hiện trạng đất và tài sản trên đất.

Ngày 26/10/2017 và ngày 10/11/2017 Tòa án đã tiến hành mở lại phiên tòa để xét xử vụ kiện trên nhưng nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy hôm nay ngày 27/11/2017 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo quy định của khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của Pháp luật tố tụng, đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung tranh chấp: Áp dụng Điều 29, Điều 59, khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 và 219 Bộ luật dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp sở hữu toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12 có diện tích 227m² tại xã X, huyện B đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị S, tổng trị giá 250.000.000 đồng; nhưng phải có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn H số tiền 125.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với 5% mức tài sản hoặc giá trị tài sản được hưởng, được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 37/2017/QĐST - HNGĐ ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, về phân tài sản chung anh H và chị S thỏa thuận tự phân chia. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh, chị không tiến hành phân chia được nên anh H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của anh H và chị S gồm 01 ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói và gắn liền thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 227m² tại thôn 6, xã X, huyện B đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 258736 ngày 26/8/2011 mang tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị S. Quá trình giải quyết anh H và chị S đã thống nhất trị giá các tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 trị giá

60.000.000 đồng; 01 thửa đất diện tích 227m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 190.000.000 đồng; tổng cộng trị giá 250.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận giá trị tài sản của các đương sự hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận đó. Tại phiên tòa ngày 28/9/2017 và tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay anh Nguyễn Văn H trình bày yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản là bất động sản gồm nhà và đất ở để được quyền sử dụng phần đất chia dọc theo chiều dài thửa đất hướng từ ngoài đường nhựa vào sau. Còn chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày nguyện vọng được sử dụng toàn bộ diện tích đất và ngôi nhà và có trách nhiệm bù tiền chênh lệch tài sản cho anh H. Xét thấy nguyện vọng của các bên đưa ra đều chính đáng, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng vị trí đất và tài sản trên đất lập ngày 06/10/2017 (BL: 48 - 50) thể hiện: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị S được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 227m² tại thôn 6, xã X, huyện B vị trí phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn dài 28m; phía Tây giáp đường Mòn Hồ Chí Minh rộng 11m; phía Nam giáp đất thổ cư dài 25m; phía Đông giáp đất trồng cây hàng năm thuộc UBND xã X quản lý rộng 6,5m. Trên thửa đất đó đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 63,92m² với chiều rộng ngôi nhà là 6,8m, chiều dài là 9,4m vị trí ngôi nhà được xây dựng sát cạnh Đông và cạnh Bắc của thửa đất, cách mép ngoài thửa đất 0,3m góc Đông Bắc; góc Tây Bắc cách mép ngoài thửa đất 0,95m; cạnh mặt tiền ngôi nhà là hướng Tây cách tim đường mòn Hồ Chí Minh là 29,7m tại góc Tây Nam; góc Tây Nam của ngôi nhà cách mép đất được giao ngoài cùng là 1,1m. Như vậy do ngôi nhà được xây dựng gần như chính giữa diện tích đất và kết cấu ngôi nhà không thể chia đôi ngôi nhà và ½ diện tích đất, nếu chia diện tích đất như yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H thì phải đập bỏ hoàn toàn ngôi nhà (Riêng đối với số diện tích đất dư thừa ngoài diện tích đất được cấp là do quá trình sử dụng các đương sự đã tự lấn chiếm trái phép nên Hội đồng xét xử không xem xét). Do vậy để đảm bảo quyền lợi về tài sản chung cho các đương sự, nên cần giao cho một trong hai bên sử dụng toàn bộ tài sản và có nghĩa vụ bù tiền chênh lệch tài sản cho bên kia. Xét chị S là phụ nữ nên việc xây dựng nhà khó khăn hơn và hiện còn phải nuôi con nhỏ. Vì vậy cần ưu tiên giao toàn bộ số tài sản chung cho chị S được quyền sở hữu và sử dụng gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4 trị giá 60.000.000 đồng; 01 thửa đất diện tích 227m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 190.000.000đồng; tổng cộng trị giá 250.000.000 đồng; nhưng phải có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn H số tiền 125.000.000 đồng là phù hợp đúng theo quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí vụ kiện: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị S, mỗi người phải nộp 6.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H về chia tài sản sau khi ly hôn.

Xử: Giao chị Nguyễn Thị S được quyền sở hữu 01(Một) ngôi nhà xây cấp 4 có trị giá 60.000.000 đồng; và quyền được sử dụng 01(Một) thửa đất số 134, tờ bản đồ số 12, diện tích 227m² tại thôn 6, xã X, huyện B đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 258736 ngày 26/8/2011 trị giá 190.000.000đ, tổng trị giá tài sản là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Nhưng chị Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm giao tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Văn H với số tiền là 125.000.000 (Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Anh Nguyễn Văn H được nhận số tiền 125.000.000(Một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, tiền chênh lệch tài sản từ chị Nguyễn Thị S.

Về án phí vụ kiện: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0002038 ngày 30/5/2017, anh H phải nộp tiếp số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng. Chị Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, nếu các bên không có thỏa thuận khác, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử sơ thẩm, báo cho Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB.
- VKSBT.
- THADS Bó Trạch.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các ĐS.
- Lưu HS, lưu TA.
- UBND xã X Trạch.

Nguyễn Phúc Nam